

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 15/2002/TT-LĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2002

THÔNG TƯ

*Hướng dẫn về chính sách đối với người lao động khi chuyển
doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định
số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002*

Thi hành Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần; Sau khi có ý kiến của các bộ ngành có liên quan và ý kiến của Tổng Liên đoàn lao động Việt nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về chính sách đối với người lao động khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

- Thông tư này được áp dụng đối với người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hoá theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần (Sau đây gọi tắt là NĐ 64/2002/NĐ-CP).
- Việc kế thừa mọi nghĩa vụ đối với người lao động theo khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP là kế thừa toàn bộ những nội dung đã giao kết trong hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động với người lao động trước khi chuyển sang công ty cổ phần.
- Thời gian được tính để chia số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi bằng tiền theo quy định tại Điều 14 và tài sản dùng cho sản xuất kinh doanh đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP là thời gian thực tế kể từ khi người lao động làm việc trong doanh nghiệp đó cho đến thời điểm doanh nghiệp có quyết định cổ phần hóa.
- Người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định 64/2002/NĐ-CP là người có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa, bao gồm: lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn; lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm, kể cả người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, chờ việc theo quyết định của giám đốc doanh nghiệp; công nhân viên chức được tuyển dụng vào làm

việc trước ngày 30/8/1990 (thời điểm có hiệu lực thi hành Pháp lệnh hợp đồng lao động) mà chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động. Đối với các đối tượng này, thời gian được tính để được mua cổ phần theo giá ưu đãi là tổng thời gian đã làm việc thực tế trong doanh nghiệp Nhà nước, cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) kể cả thời gian người lao động đã nhận trợ cấp mất việc, thôi việc, hưởng chế độ xuất ngũ hoặc phục viên.

5. Người lao động nghèo được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP được quy định như sau:

Người lao động nghèo là người có thu nhập bình quân đầu người trong gia đình thấp, do giám đốc doanh nghiệp phối hợp với đảng ủy, công đoàn và Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của doanh nghiệp xác định.

Thu nhập bình quân đầu người trong gia đình được tính trên cơ sở các khoản thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp lương đối với người lao động làm công ăn lương, thu nhập chính từ lao động của các thành viên trong gia đình làm việc ở các thành phần kinh tế chia cho số người trong gia đình (vợ hoặc chồng, con và những người khác phải trực tiếp nuôi dưỡng).

Số người lao động nghèo trong doanh nghiệp được xác định theo thứ tự thu nhập (từ thấp đến cao) phải được hội nghị công nhân viên chức (đại biểu hoặc toàn thể) tán thành theo nguyên tắc đa số, quá bán số người dự họp và thông báo công khai trong toàn doanh nghiệp; đồng thời phải bảo đảm giá trị cổ phần giành cho người lao động nghèo không vượt quá 20% tổng số cổ phần Nhà nước bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định 64/2002/NĐ-CP và được đưa vào phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

Không được dùng số cổ phần dành cho lao động nghèo theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP để chia đều cho mọi người trong doanh nghiệp.

6. Thời gian làm việc để hưởng trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc theo khoản 5 Điều 27 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP là tổng thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp nhà nước, cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách Nhà nước (trừ thời gian người lao động đã nhận trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, hưởng chế độ xuất ngũ hoặc phục viên)

Tổng thời gian làm việc có tháng lẻ được quy định như sau:

Dưới 1 tháng không được tính.

Từ 1 tháng đến dưới 7 tháng được tính bằng 6 tháng làm việc.

Từ đủ 7 tháng đến đủ 12 tháng được tính bằng 1 năm làm việc.

7. Thời điểm cổ phần hoá là thời điểm có quyết định cho doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá của cấp có thẩm quyền.

II- NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ:

A. Chính sách đối với người lao động tại thời điểm doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần

Khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước cùng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của doanh nghiệp lập phương án về lao động (trong phương án cổ phần hóa) và giải quyết chính sách đối với người lao động, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP và giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định sau:

1. Lập phương án lao động theo trình tự sau:

- a) Lập danh sách lao động có tên trong danh sách của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa theo biểu mẫu số 1 kèm theo Thông tư này.
- b) Lập danh sách lao động thuộc diện nghỉ hưu theo chế độ hưu trí;
- c) Lập danh sách lao động hết hạn hợp đồng lao động tại thời điểm cổ phần hóa;
- d) Lập danh sách lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm cổ phần hóa thuộc diện sẽ chấm dứt hợp đồng lao động. Trong đó có cả danh sách lao động dôi dư theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 41/2002/NĐ-CP nói trên;
- đ) Lập danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần, bao gồm:
 - Số lao động mà hợp đồng lao động đang còn thời hạn;
 - Số lao động đang nghỉ theo 3 chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) mà hợp đồng lao động đang còn thời hạn ;
 - Số lao động có điều kiện về tuổi đời, sức khỏe thuộc diện đi đào tạo lại nghề để tiếp tục làm việc ở công ty cổ phần;
- e) Danh sách lao động từ tiết b đến tiết đ trên đây do doanh nghiệp tự lập và tổng hợp vào phương án lao động theo biểu mẫu số 2 kèm theo Thông tư này.

2. Giải quyết chính sách đối với người lao động:

- a. Đối với người lao động thuộc diện nghỉ theo chế độ hưu trí quy định tại tiết b điểm 1 mục A phần II của thông tư này thì Giám đốc doanh nghiệp và cơ quan bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã